

ĐIỀU LỆ

Về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Lai Châu

(kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /01/2026 của UBND tỉnh Lai Châu)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất tỉnh Lai Châu quy định chi tiết về tổ chức, hoạt động và cơ chế tài chính của Quỹ phát triển đất (sau đây gọi là Điều lệ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Quỹ phát triển đất tỉnh Lai Châu (sau đây gọi tắt là Quỹ).
- Tổ chức được ứng vốn từ Quỹ.
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến Quỹ.

Điều 3. Tên gọi, trụ sở

- Tên gọi đầy đủ: Quỹ phát triển đất tỉnh Lai Châu.
- Địa chỉ trụ sở: Đặt tại Trụ sở chính của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu (gọi là Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng), có địa chỉ tại tổ 23 phường Tân Phong, tỉnh Lai Châu.

Điều 4. Địa vị pháp lý, tư cách pháp nhân và chức năng của Quỹ phát triển đất

- Quỹ phát triển đất là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập, hoạt động độc lập với ngân sách nhà nước, không vì mục đích lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn.
- Quỹ phát triển đất có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, có tài khoản, hạch toán độc lập, có vốn điều lệ. Quỹ được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước tỉnh, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ.
- Quỹ phát triển đất có chức năng tiếp nhận, huy động vốn theo quy định để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Điều 114 Luật Đất đai; Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của

Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất; Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất và Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ quy định về Quỹ phát triển đất và pháp luật có liên quan.

4. Giám đốc Quỹ phát triển đất là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Quỹ phát triển đất.

Chương II

NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN

Điều 5. Nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất

1. Quản lý, bảo toàn và phát triển vốn.
2. Thực hiện các nhiệm vụ ứng vốn theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; thực hiện thu hồi vốn ứng theo quy định.
3. Chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý tài chính, tài sản, kế toán, kiểm toán và các quy định khác có liên quan.
4. Quyết định dừng, thu hồi vốn ứng khi phát hiện tổ chức được ứng vốn vi phạm quy định về sử dụng vốn ứng hoặc chậm hoàn trả vốn ứng.
5. Kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng và thu hồi vốn ứng; xác định chi phí quản lý vốn ứng theo quy định tại khoản 7 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và các quy định có liên quan.
6. Thực hiện chế độ báo cáo định kỳ theo quy định; báo cáo đột xuất về tình hình quản lý, sử dụng vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất theo yêu cầu của cơ quan, người có thẩm quyền.
7. Thực hiện các nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh giao và quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Quyền hạn của Quỹ phát triển đất

1. Tổ chức quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ phát triển đất theo đúng mục tiêu và các nhiệm vụ được giao.
2. Ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ để điều hành hoạt động của Quỹ phát triển đất.
3. Kiểm tra việc tuân thủ mục đích sử dụng vốn ứng của dự án, nhiệm vụ được Quỹ phát triển đất ứng vốn.
4. Xử lý theo thẩm quyền hoặc báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc quản lý, sử dụng, hoàn trả vốn ứng.
5. Các quyền hạn khác theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

Chương III

CƠ CẤU TỔ CHỨC VÀ MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG

Điều 7. Cơ cấu tổ chức và mô hình hoạt động

1. Cơ cấu tổ chức của Quỹ phát triển đất gồm có:

- a) Hội đồng quản lý.
- b) Ban kiểm soát.
- c) Cơ quan điều hành nghiệp vụ.

2. Mô hình hoạt động: Ủy thác, không thành lập các phòng nghiệp vụ Quỹ, mà sử dụng bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu (là cơ quan nhận ủy thác).

Điều 8. Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ có 5 thành viên, gồm có Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 3 thành viên, trong đó:

a) 01 Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

b) 01 Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý kiêm Giám đốc Quỹ phát triển đất tỉnh Lai Châu là Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu;

c) 03 thành viên Hội đồng quản lý Quỹ gồm:

- Lãnh đạo Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Lãnh đạo Sở Xây dựng;

Các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản lý Quỹ:

a) Quản lý và sử dụng nguồn vốn của Quỹ theo đúng quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ và Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ; bảo toàn và phát triển vốn.

b) Ban hành hoặc sửa đổi quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ; phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản lý.

c) Giám sát, kiểm tra cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ trong việc chấp hành chính sách, pháp luật và việc thực hiện các quyết định của Hội đồng quản lý.

d) Phê duyệt kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát; thông qua Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; quyết định ứng vốn theo quy định tại Điều 14 Quyết định này.

đ) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ.

e) Quyết định việc bổ nhiệm, bãi nhiệm và các chế độ chính sách khác đối với các thành viên của Ban kiểm soát Quỹ theo đề nghị của Trưởng ban kiểm soát.

g) Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

h) Được sử dụng con dấu của Quỹ và cơ quan điều hành nghiệp vụ quỹ để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản lý.

i) Thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ và pháp luật có liên quan.

3. Chế độ làm việc của Hội đồng quản lý:

a) Hội đồng quản lý hoạt động theo chế độ tập thể, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật.

b) Hội đồng quản lý Quỹ họp thường kỳ 02 lần/năm để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan. Hội đồng quản lý Quỹ có thể họp đột xuất để giải quyết các vấn đề cần thiết, cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc theo đề nghị của Phó Chủ tịch Hội đồng quản lý hoặc Giám đốc hoặc Trưởng ban Kiểm soát Quỹ sau khi được Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ chấp thuận.

c) Các cuộc họp của Hội đồng quản lý Quỹ chỉ có hiệu lực khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ tham dự.

d) Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ lập văn bản xin ý kiến thành viên Hội đồng quản lý Quỹ trong các trường hợp sau: Chưa tổ chức được cuộc họp thường kỳ hoặc họp đột xuất của Hội đồng quản lý Quỹ theo quy định; Giải quyết các công việc thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ mà chưa cần thiết phải tổ chức cuộc họp; Thành viên Hội đồng quản lý Quỹ vắng mặt tại cuộc họp; khi Giám đốc, Trưởng ban Kiểm soát Quỹ xin ý kiến đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản lý Quỹ.

đ) Khi được lấy ý kiến theo quy định tại điểm d khoản 5 Điều này, các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có trách nhiệm trả lời bằng văn bản đúng thời hạn được đề nghị hoặc trong vòng 05 ngày làm việc nếu không nêu thời hạn kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến.

e) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số bằng biểu quyết, mỗi thành viên Hội đồng quản lý Quỹ có một phiếu biểu quyết với quyền biểu quyết ngang nhau. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý có hiệu lực khi có trên 50% tổng số thành viên Hội đồng quản lý Quỹ biểu quyết hoặc lấy ý

kiến bằng văn bản có ý kiến tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ hoặc người chủ trì cuộc họp (*trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp*).

g) Các nội dung thảo luận, các ý kiến phát biểu, kết luận và kết quả biểu quyết của cuộc họp Hội đồng quản lý Quỹ phải được ghi chép đầy đủ trong biên bản cuộc họp và được các đại biểu tham dự cuộc họp (*gồm thành viên Hội đồng quản lý Quỹ và người được cử dự họp thay thành viên Hội đồng quản lý Quỹ nếu có*) cùng ký xác nhận. Các kết luận của Hội đồng quản lý Quỹ được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ và phải được gửi tới tất cả các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Ban điều hành của Quỹ và các tổ chức, cá nhân có liên quan để triển khai thực hiện.

h) Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ có tính chất bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ phát triển đất và Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Giám đốc Quỹ có quyền bảo lưu ý kiến và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền; trong thời gian chưa có quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

4. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ, bao gồm phụ cấp, thù lao cho thành viên Hội đồng quản lý được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ phát triển đất và theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và pháp luật liên quan.

Điều 9. Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát giúp Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng quản lý kiểm soát hoạt động của Quỹ.

2. Thành phần Ban Kiểm soát: Có 03 thành viên, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, gồm: 01 Trưởng ban kiểm soát là Lãnh đạo Thanh tra tỉnh. 02 Thành viên ban kiểm soát gồm: Lãnh đạo cấp phòng của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Các thành viên Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

3. Thành viên Ban kiểm soát Quỹ không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh chị em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của các thành viên Hội đồng quản lý Quỹ, Giám đốc Quỹ, Phó Giám đốc Quỹ và Kế toán trưởng Quỹ và các trường hợp khác theo quy định của Luật Phòng chống tham nhũng.

4. Trưởng Ban kiểm soát là lãnh đạo Thanh tra tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng quản lý. Thành viên Ban kiểm soát là lãnh đạo phòng chuyên môn của Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường do Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát.

5. Nhiệm vụ và quyền hạn Ban kiểm soát:

- a) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành chính sách pháp luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quy chế, quy trình của Quỹ.
- b) Kiểm tra, giám sát tính hợp pháp, trung thực của Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ trong việc quản lý, điều hành hoạt động của Quỹ.
- c) Thẩm định báo cáo tài chính của Quỹ theo quy định của pháp luật.
- d) Lập kế hoạch hoạt động, trình Hội đồng quản lý phê duyệt; báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về công tác kiểm tra, giám sát.
- đ) Thực hiện nhiệm vụ khác do Hội đồng quản lý và UBND tỉnh giao.

6. Chế độ hoạt động của Ban Kiểm soát

a) Ban Kiểm soát làm việc theo chế độ tập thể. Thành viên Ban Kiểm soát được chủ động kiểm tra theo nhiệm vụ đã được Trưởng ban phân công. Thành viên Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm về nhiệm vụ được giao trước Hội đồng quản lý và Trưởng ban.

b) Giám sát là biện pháp kiểm tra chủ yếu được Ban kiểm soát thực hiện thường xuyên nhằm ngăn ngừa, phát hiện và kịp thời kiến nghị xử lý các vi phạm chế độ, chính sách và vi phạm quy chế, quy trình và Điều lệ của Quỹ. Có 02 hình thức giám sát, cụ thể:

Giám sát gián tiếp: Thông qua các tài liệu, báo cáo, các dự thảo được Quỹ gửi đến và qua thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau; Ban Kiểm soát kiểm tra, đối chiếu với các quy định của nhà nước, Điều lệ và các Quy chế của Quỹ. Nếu phát hiện có vi phạm các quy định về quản lý tài chính của nhà nước, Ban Kiểm soát phải có ý kiến để Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ xem xét và có sự điều chỉnh.

Giám sát trực tiếp: Theo sự phân công của Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát được trực tiếp làm việc với các phòng nghiệp vụ của Quỹ để giám sát tại chỗ việc chấp hành các Quy chế và Điều lệ của Quỹ, sau đó, báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát để kiến nghị những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung.

c) Kiểm tra định kỳ

Hàng năm, trên cơ sở báo cáo tài chính và báo cáo khác, Ban Kiểm soát có trách nhiệm theo dõi, tổng hợp, phát hiện sai sót trong quá trình hoạt động của Quỹ để đề nghị Giám đốc khắc phục kịp thời.

Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ. Việc thẩm định được hiểu là việc xem xét tính chất hợp lý, hợp lệ của báo cáo theo cơ chế quản lý tài chính của Bộ Tài chính.

d) Kiểm tra đột xuất

Đối với những việc cần kiểm tra đột xuất để phát hiện sớm sai sót giúp Quỹ khắc phục kịp thời, Trưởng Ban Kiểm soát đề nghị Hội đồng quản lý quyết định thời điểm và nội dung tiến hành kiểm tra.

đ) Đối tượng kiểm tra có quyền giải trình trong quá trình kiểm tra. Trường hợp chưa nhất trí với nội dung kết luận của Ban Kiểm soát thì được ghi rõ ý kiến của mình trong biên bản kiểm tra để Ban Kiểm soát báo cáo Hội đồng quản lý.

e) Kết quả kiểm tra của Ban Kiểm soát phải thể hiện bằng văn bản do Trưởng Ban Kiểm soát ký. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát trước khi trình Hội đồng quản lý, Ủy ban nhân dân tỉnh phải được bàn bạc thống nhất trong Ban Kiểm soát.

7. Kinh phí hoạt động của Ban Kiểm soát được hạch toán vào chi phí quản lý của Quỹ phát triển đất.

Điều 10. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ

1. Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ: Không thành lập các phòng nghiệp vụ Quỹ, mà sử dụng bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh Lai Châu, gồm có: Giám đốc, 01 Phó Giám đốc; Kế toán trưởng và các phòng nghiệp vụ hoạt động kiêm nhiệm.

- Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là Giám đốc Quỹ phát triển đất;

- Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phân công 01 Phó Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là Phó Giám đốc phụ trách hoạt động của Quỹ phát triển đất;

- Kế toán trưởng Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng là Kế toán trưởng Quỹ phát triển đất;

- Giám đốc Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng phân công các phòng nghiệp vụ thực hiện nhiệm vụ của Quỹ phát triển đất.

2. Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác, không thành lập các phòng nghiệp vụ Quỹ mà sử dụng bộ máy điều hành nghiệp vụ của Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (*là cơ quan nhận ủy thác*).

3. Giám đốc Quỹ là người đại diện theo pháp luật của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng quản lý Quỹ và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan điều hành nghiệp vụ

a) Tổ chức điều hành hoạt động của Quỹ theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ, các quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản lý Quỹ.

b) Trình Hội đồng quản lý ban hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và các quy chế khác quy định tại Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ.

c) Tổng hợp, xây dựng Kế hoạch ứng vốn của năm sau từ Quỹ để trình Hội đồng quản lý Quỹ thông qua.

d) Trực tiếp quản lý nguồn vốn hoạt động, tài sản của Quỹ.

đ) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

e) Cơ quan điều hành nghiệp vụ sử dụng con dấu của Quỹ để thực hiện các nhiệm vụ của Quỹ.

Chương IV

QUẢN LÝ, SỬ DỤNG QUỸ

Điều 11. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ

1. Nguồn vốn hoạt động của Quỹ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

a) Vốn điều lệ

- Mức vốn điều lệ của Quỹ phát triển đất là: **200 tỷ đồng**.

- Vốn Điều lệ ban đầu là 65,286 tỷ đồng (*Tương ứng với số dư lũy kế hiện tại của Quỹ phát triển đất tỉnh*).

- Vốn điều lệ bổ sung cấp cho Quỹ hàng năm: Từ năm 2026 trở đi thực hiện trích 20% từ nguồn thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh hưởng theo phân cấp và từ nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại để bổ sung vào vốn điều lệ của Quỹ. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc cấp bổ sung vốn điều lệ cho Quỹ từ nguồn ngân sách địa phương nêu trên. Việc cấp vốn từ nguồn chi đầu tư phát triển cho Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật về ngân sách nhà nước áp dụng đối với quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.

- Tiến độ cấp vốn điều lệ: Đối với vốn điều lệ bổ sung hàng năm, ngân sách địa phương thực hiện chuyển vốn sang Quỹ theo kết quả thu tiền sử dụng đất ngân sách cấp tỉnh hưởng và phương án sử dụng nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại hàng năm.

- Căn cứ tình hình thu, chi hàng năm của Quỹ, xác định số chênh lệch thu lớn hơn chi (nếu có) của Quỹ sau khi trích lập các quỹ và thực hiện nghĩa vụ tài chính với Nhà nước sẽ bổ sung vào vốn điều lệ của Quỹ.

b) Vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật: Vốn viện trợ, tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức quốc tế, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài

nước theo chương trình hoặc dự án viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác theo quy định, vốn huy động được chuyển trực tiếp vào Quỹ.

2. Theo dõi, quản lý vốn hoạt động của Quỹ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2024; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ:

Vốn hoạt động của Quỹ phát triển đất được gửi tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn bảo đảm an toàn, hiệu quả và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất.

Quỹ phát triển đất mở tài khoản riêng tại Kho bạc Nhà nước tại địa phương, tài khoản thanh toán tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn để quản lý vốn điều lệ của Quỹ. Vốn điều lệ của Quỹ chỉ được sử dụng để thực hiện nhiệm vụ ứng vốn và được hoàn trả vốn ứng theo quy định tại Nghị định này. Trong thời gian tạm thời nhàn rỗi, vốn điều lệ của Quỹ được gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng thương mại có vốn chi phối của Nhà nước trên địa bàn và được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ phát triển đất, bảo đảm an toàn, hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ của Quỹ.

Điều 12. Quản lý, sử dụng nguồn vốn của Quỹ

1. Vốn hoạt động của Quỹ được sử dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ, cụ thể:

a) Ứng vốn cho chủ đầu tư dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, đơn vị, tổ chức của Nhà nước thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về nhà ở (*trừ các dự án đầu tư bằng nguồn vốn không phải nguồn ngân sách nhà nước*).

b) Ứng vốn cho đơn vị, tổ chức theo quy định của pháp luật về đất đai để tạo lập, phát triển quỹ đất tái định cư, tạo quỹ đất để tổ chức đấu giá quyền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước.

c) Ứng vốn cho tổ chức được giao thực hiện chính sách hỗ trợ về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số.

d) Ứng vốn thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc ứng vốn từ Quỹ thực hiện dựa trên kế hoạch ứng vốn đã được phê duyệt và đáp ứng các điều kiện ứng vốn; việc hoàn trả vốn ứng cho Quỹ thực hiện theo quy định về hoàn trả vốn ứng và pháp luật hiện hành.

Điều 13. Quy định về ứng vốn

1. Quy trình lập, tổng hợp và phê duyệt kế hoạch ứng vốn

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Kế hoạch ứng vốn hàng năm của Quỹ phát triển đất để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 4 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ theo nguyên tắc giao danh mục dự án, nhiệm vụ và mức vốn ứng cụ thể.

- Hằng năm, các Tổ chức được ứng vốn quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đăng ký nhu cầu ứng vốn Quỹ cho năm sau có văn bản đề xuất ứng vốn gửi tới Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng (cơ quan nhận ủy thác).

- Căn cứ đề xuất ứng vốn, cơ quan nhận ủy thác tổng hợp danh mục dự án, nhiệm vụ và dự thảo Kế hoạch ứng vốn, báo cáo Hội đồng quản lý thông qua và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt. Kế hoạch ứng vốn năm sau được phê duyệt trước ngày 31/12 hàng năm.

- Trường hợp trong năm có phát sinh dự án, nhiệm vụ có nhu cầu ứng vốn từ cơ quan nhận ủy thác thì việc lập, tổng hợp, phê duyệt kế hoạch ứng vốn bổ sung thực hiện như quy định tại khoản này.

2. Điều kiện ứng vốn được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP, cụ thể như sau:

- a) Có văn bản đề nghị ứng vốn của tổ chức được ứng vốn;
- b) Có trong Kế hoạch ứng vốn từ Quỹ phát triển đất được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.
- c) Dự án, nhiệm vụ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt hoặc giao thực hiện.
- d) Có phương án hoàn trả vốn ứng.
- đ) Vốn hoạt động của Quỹ tại thời điểm ứng vốn đáp ứng được yêu cầu ứng vốn.

Điều 14. Thẩm quyền quyết định, trình tự, thủ tục thực hiện ứng vốn

1. Thẩm quyền quyết định ứng vốn

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định ứng vốn đối với mức vốn ứng cho một dự án/nhiệm vụ lớn hơn 20 tỷ đồng (hai mươi tỷ đồng) theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ; trình tự Giám đốc Quỹ tổng hợp báo cáo Hội đồng quản lý;

b) Hội đồng quản lý Quỹ quyết định ứng vốn đối với mức ứng vốn cho một dự án/nhiệm vụ nhỏ hơn hoặc bằng 20 tỷ đồng (hai mươi tỷ đồng) theo đề nghị của Giám đốc Quỹ;

2. Trình tự, thủ tục ứng vốn thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Quỹ phát triển đất quyết định việc ứng vốn cho tổ chức được ứng vốn nếu đủ điều kiện hoặc có văn bản thông báo và trả lại hồ sơ cho tổ chức đề nghị ứng vốn nếu không đủ điều kiện theo quy định.

4. Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn

a) Căn cứ quyết định ứng vốn, Quỹ triển khai ký Hợp đồng ứng vốn với Tổ chức được ứng vốn. Sau khi ký Hợp đồng ứng vốn, Tổ chức được ứng vốn lập hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng.

b) Hồ sơ đề nghị giải ngân vốn ứng của đơn vị, tổ chức ứng vốn thực hiện theo quy trình nghiệp vụ ứng vốn do Quỹ ban hành.

c) Quỹ kiểm tra hồ sơ đề nghị giải ngân nêu trên và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hồ sơ, tiến hành lập chứng từ chuyển tiền gửi Kho bạc Nhà nước, ngân hàng thương mại nơi mở tài khoản. Chậm nhất 01 ngày làm việc, Kho bạc Nhà nước, ngân hàng nơi Quỹ mở tài khoản chuyển tiền cho đối tượng thụ hưởng theo đề nghị của Quỹ. Số vốn giải ngân được chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản của Tổ chức, đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của Tổ chức được ứng vốn.

5. Việc giải ngân ứng vốn được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ thực hiện và nhu cầu ứng vốn của từng dự án, nhiệm vụ. Trường hợp thực hiện giải ngân ứng vốn nhiều lần cho cùng một dự án, nhiệm vụ thì tổ chức được ứng vốn có văn bản đề nghị ứng vốn và hồ sơ, tài liệu bổ sung có liên quan đến việc ứng vốn theo từng lần.

6. Tổ chức được ứng vốn có trách nhiệm:

a) Sử dụng vốn ứng để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này đúng mục đích, đúng quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về việc sử dụng vốn ứng theo quy định của pháp luật. Không sử dụng vốn ứng thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 12 Điều lệ này để sử dụng vào mục đích khác.

b) Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 15 Điều lệ này.

c) Thông báo cho cơ quan, người có thẩm quyền ban hành Quyết định hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất và thực hiện hoàn trả vốn ứng cho Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này.

7. Quỹ phát triển đất có trách nhiệm kiểm tra đối với việc sử dụng vốn ứng từ Quỹ và thu hồi vốn ứng theo quy định.

Điều 15. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ

Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 cụ thể:

1. Mức chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất bằng mức lãi suất áp dụng đối với tiền gửi bằng đồng Việt Nam của Kho bạc Nhà nước tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong cùng thời kỳ. Mức chi phí quản lý vốn ứng được xác định theo mức tại thời điểm ban hành Quyết định ứng vốn lần đầu của từng dự án, từng nhiệm vụ, cố định trong cả quá trình ứng vốn và không tính theo thời gian ứng vốn.

Công thức xác định chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí quản lý} \\ \text{vốn ứng từ Quỹ} \\ \text{phát triển đất} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Tổng số tiền ứng vốn thực} \\ \text{tế của từng dự án, từng} \\ \text{nhiệm vụ (trên cơ sở Quyết} \\ \text{định ứng vốn của cơ quan,} \\ \text{người có thẩm quyền định} \\ \text{tại khoản 1 Điều 16 Nghị} \\ \text{định số 104/2024/NĐ-CP)} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Mức chi phí quản} \\ \text{lý vốn ứng từ Quỹ} \\ \text{phát triển đất quy} \\ \text{định tại khoản này} \end{array}$$

Việc chi trả chi phí quản lý vốn ứng cho Quỹ phát triển đất được thực hiện một lần hoặc nhiều lần trên cơ sở tiến độ bố trí vốn đầu tư của từng dự án, từng nhiệm vụ.

2. Chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất được tính trong chi phí khác thuộc tổng mức đầu tư của dự án, dự toán của nhiệm vụ.

Điều 16. Hoàn trả vốn ứng cho Quỹ

Thực hiện trả chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ.

Điều 17. Hoạt động nhận ủy thác của Quỹ

Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác cho Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng, không nhận ủy thác quản lý quỹ tài chính nhà nước khác của địa phương theo quy định.

Điều 18. Chế tài xử lý các vi phạm trong việc sử dụng, hoàn trả vốn ứng

1. Tổ chức được ứng vốn nếu bị phát hiện sử dụng vốn ứng không đúng mục đích được xử lý theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Trường hợp do thiên tai, dịch bệnh, hỏa hoạn hoặc nguyên nhân khách quan khác làm ảnh hưởng đến nguồn hoàn trả vốn ứng, tổ chức, đơn vị được ứng vốn báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc hoàn trả vốn ứng theo quy định.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH CỦA QUỸ

Điều 19. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ

1. Năm tài chính của Quỹ bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
2. Chế độ tài chính và quản lý, sử dụng tài sản của Quỹ thực hiện theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập. Các nội dung cụ thể liên quan đến chế độ tài chính của Quỹ được quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Nghị định số 104/2024/NĐ-CP.

Điều 20. Các khoản thu, chi của Quỹ (không bao gồm nguồn Ngân sách Nhà nước cấp cho Quỹ), bao gồm:

1. Các khoản thu của Quỹ bao gồm:
 - Khoản thu từ chi phí quản lý vốn ứng từ Quỹ phát triển đất theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024; được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 2 Nghị định số 291/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ.
 - Lãi tiền gửi theo quy định của pháp luật.
 - Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật.
2. Các khoản chi của Quỹ bao gồm:
 - Chi phí ủy thác quản lý Quỹ phát triển đất quy định tại khoản 3 Điều này;
 - Các khoản phụ cấp và các khoản chi khác cho các thành viên Hội đồng quản lý, Ban kiểm soát, Cơ quan điều hành nghiệp vụ Quỹ phát triển đất theo quy định áp dụng đối với đơn vị sự nghiệp công lập;
 - Các khoản nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.
3. Quỹ hoạt động theo mô hình ủy thác, chi phí ủy thác quản lý bằng 50% khoản thu của Quỹ quy định tại khoản 1 Điều này.
4. Quỹ có trách nhiệm quyết toán các khoản thu, chi của Quỹ theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Chế độ kế toán, báo cáo

1. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán áp dụng cho quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, đảm bảo phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động kinh tế, tài chính.
2. Hằng năm, Quỹ có trách nhiệm gửi báo cáo tài chính năm của Quỹ cho Ủy ban nhân dân tỉnh. Báo cáo tài chính năm của Quỹ được kiểm toán bởi tổ

chức kiểm toán độc lập theo quy định của pháp luật. Thời gian gửi báo cáo chậm nhất là 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Việc kiểm tra, giám sát, kiểm soát, thanh tra và kiểm toán đối với Quỹ được thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ và quy định của pháp luật.

Chương VI

GIẢI THỂ QUỸ PHÁT TRIỂN ĐẤT

Điều 22. Quy trình giải thể Quỹ phát triển đất, trách nhiệm của Quỹ phát triển đất và trách nhiệm của Hội đồng giải thể sau khi có quyết định giải thể

Thực hiện theo quy định tại Điều 23, 24 Nghị định số 104/2024/NĐ-CP ngày 31/7/2024 của Chính phủ./.